

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 20-9-2019
V/v “Tranh chấp chia tài
sản sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh.

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Sơn.

Bà Thái Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Dương -Thư ký, Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2019/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp chia tài sản khi ly hôn”. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Trung Th, sinh năm 1962. Địa chỉ: Xóm A, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn anh Phạm Trung Th: Ông Đậu Đình H - Luật sư Văn phòng Luật sư PH - Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Xóm B, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn chị Nguyễn Thị T: Bà Trịnh Hoàng NM, sinh năm 1989 và ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1978 – Luật sư của thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 3 đường NT, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Luật sư M có mặt, luật sư Đ vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Bùi Văn N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Xóm A, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Anh Hồ Minh L, sinh năm 1967. Địa chỉ: Xóm A, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (ủy quyền cho ông Phạm Trung Th).

- Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1986. Địa chỉ: Xóm A, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Chị Phạm Thị H, sinh năm 1969. Địa chỉ: Xóm A, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Anh Phạm Trung H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Hạt quản lý đường bộ huyện CX, tỉnh HT. Có mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Phạm Trung Th và bị đơn chị Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Trung Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Th và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An vào ngày 03/02/2015. Quá trình chung sống hai vợ chồng không hợp nhau, luôn xảy ra mâu thuẫn. Tháng 5/2016 hai vợ chồng thỏa thuận ly hôn, sau đó đã hòa giải và tiếp tục chung sống nhưng vẫn xảy ra mâu thuẫn. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Th yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Hai vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Sau khi kết hôn vợ chồng tạo lập được khối tài sản chung như sau: Thửa đất số 1387, tờ bản đồ số 10 có diện tích 296 m² ở xóm 9, xã QH, huyện QL mang tên Phạm Trung Th và Nguyễn Thị T; 01 bộ bàn ghế Âu á+ 01 tủ kệ mua tháng 3/2016 của ông Bùi Văn Q xóm 11 xã QH trị giá 50.000.000 đồng; 01 giường, 01 tủ đựng quần áo, 01 bàn trang điểm, 01 tủ bỏ dày dép mua của anh Nguyễn Văn Thịnh xóm 1, xã QH tháng 2/2015 trị giá 19.000.000 đồng; 01 bàn làm việc mua của anh Kiên xóm 6, xã Quỳnh Mỹ tháng 10/2017 trị giá 1.800.000 đồng; ghế xem ti vi phòng khách mua của anh Lợi, xóm 1 tháng 1/2017 trị giá 1.500.000 đồng; 01 máy lọc nước hiệu SHARP, 01 máy giặt hiệu Electrolux, 01 bếp ga trị giá 19.000.000 đồng; 01 quạt hơi nước trị giá 4.500.000 đồng; 02 máy điều hòa hiệu Panasonic 900 BTU, 01 tivi phòng ngủ hiệu Sony, đầu thu trị giá 32.000.000 đồng; 01 xe máy SH trị giá 55.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung 492.000.000 đồng.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xóm 9 xã QH hiện nay anh Th đang giữ; các tài sản khác chị T đang quản lý và sử dụng tại nhà của chị T tại Xóm B, xã QH, huyện QL.

Nợ chung: Nợ tiền mua bàn ghế, tủ kệ của anh Bùi Văn Q, xóm 11 xã QH trị giá 50.000.000 đồng; vay tiền mua đất của chị Phạm Thị H, xóm 9, xã QH 50.000.000 đồng; anh Hồ Minh L xóm 6, xã QH 50.000.000 đồng; anh Bùi Văn N

xóm 11, xã QH 50.000.000 đồng; anh Phạm Trung H ở Hạt quản lý đường bộ huyện CX, tỉnh HT là 100.000.000 đồng.

Anh Phạm Trung Th đề nghị Tòa án giao cho anh Th quyền sử dụng đất và trả nợ, còn tài sản hiện nay chị T đang quản lý sử dụng để cho chị T sử dụng và tính bù trừ giá trị chênh lệch.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T thống nhất trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh Phạm Trung Th kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã QH vào ngày 03/02/2015 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn vì không tin tưởng và tôn trọng nhau. Tháng 5/2016, anh Th viết đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng không gửi cho Tòa án mà mục đích là để dọa chị T, sau đó anh Th xin lỗi, chị T đã tha thứ và hai vợ chồng làm lành với nhau. Trong quá trình chung sống chị T muốn có con chung nhưng anh Th không muốn, anh Th cho rằng đã có con trai, con gái rồi (con riêng của hai người). Đến ngày 09/7/2018, anh Th tiếp tục làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Về tình cảm không còn, đã sống ly thân hơn 8 tháng nay nên chị T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hai vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng gồm có: Thửa đất số 1387, tờ bản đồ số 10 có diện tích 296 m² ở xóm A, xã QH, huyện QL mang tên Phạm Trung Th và Nguyễn Thị T mua đấu giá tháng 11/2015 trị giá 300.000.000 đồng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay anh Th đang giữ. Các tài sản hiện nay chị T đang giữ là: 01 xe máy SH mode mua tháng 5/2015 trị giá 55.000.000 đồng đăng ký mang tên chị T; 01 bộ bàn ghế Á, Âu, 01 tủ kệ mua tháng 3/2016 mua của ông Q xóm 11, xã QH trị giá 50.000.000 đồng; 02 điều hòa hiệu Panasonic 900 BTU, 01 tivi sony 42 inch mua của TH tháng 3/2017 trị giá 32.000.000 đồng; giường, tủ đựng quần áo, bàn trang điểm, tủ dày dép mua của anh Th xóm A, xã QH 2/2015 trị giá 19.000.000 đồng; 01 máy giặt hiệu Electrolux 8kg trị giá 9.000.000 đồng, máy lọc nước hiệu SHARP trị giá 3.800.000 đồng, bếp ga trị giá 750.000 đồng; bàn làm việc mua của cửa hàng HK khối A thị trấn CG tháng 10/2016 trị giá 1.800.000 đồng; ghế xem tivi mua tháng 11/2017 của anh LH xóm A xã QH trị giá 1.500.000 đồng. Tiền thuê máy múc đất ao lên bồi đất ở 54.000.000 đồng. Tổng tài sản chung là 778.800.000 (bảy trăm bảy mươi tám triệu tám trăm nghìn) đồng.

Chị Nguyễn Thị T đề nghị: Đối với tài sản là quyền sử dụng đất ở xóm 9, xã QH là do chị T chủ yếu bỏ tiền ra mua, để có được số tiền này chị T làm lụng vất vả, tích góp nhiên năm trước khi kết hôn với anh Th, vì vậy nghị Tòa án giao cho quyền sử dụng thửa đất số 1387, tờ bản đồ số 10 tại xóm A, xã QH cho chị T. Đối với các tài sản chung khác thì chia đôi.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung. Việc anh Th ghi số nợ 300.000.000 đồng là khai không, vì mua bàn ghế của ông Q Vợ chồng đã trả tiền rồi. Anh Th cố tình tạo ra các giấy xác nhận nợ giả mạo, anh Th khai vay chị Phạm

Thị H (em gái anh Th), anh Phạm Trung H (con anh Th), anh Hồ Minh L anh con cô anh Th, anh Bùi Văn N là doanh nghiệp trên địa bàn xã QH, chơi thân với anh Th với tổng số tiền 300.000.000 đồng là khai khống. Chị T không biết, không chứng kiến và không ký giấy vay nợ. Những người cho anh Th vay tiền là anh em con cháu thân thiết của anh Th, giấy xác nhận nợ của những người này đều giống nhau cùng một mẫu chỉ khác tên. Vì vậy, chị T không đồng ý trả các khoản nợ mà anh Th đã khai.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Anh Bùi Văn Q trình bày: Anh Q có bán cho vợ chồng anh Th, chị T một bộ bàn ghế và 01 tủ kệ trị giá 50.000.000 đồng vào tháng 3/2016, đến nay anh Th, chị T chưa trả tiền. Vợ chồng anh Th, chị T ly hôn anh Q đề nghị vợ chồng trả số tiền mua bàn ghế là 50.000.000 đồng.

- Chị Phạm Thị H trình bày: Vào tháng 11/2015 anh Phạm Trung Th vay 50.000.000 đồng để trả tiền mua đất tại xóm 9, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Khi vay hai bên không làm giấy vay tiền vì nghĩ tình cảm anh em ruột thịt, chị H đưa tiền cho anh Th thì chị T biết hay không thì chị H không biết. Vợ chồng anh Th, chị T ly hôn chị H đề nghị anh Th trả số tiền nợ 50.000.000 đồng.

- Anh Hồ Minh L trình bày: Anh Lộc cho anh Th vay 50.000.000 đồng vào ngày 18/11/2015. Khi cho anh Th vay tiền chị T không biết, khi vay hai bên không viết giấy vay tiền, anh Lộc nghe anh Th nói vay tiền để trả tiền mua đất. Vợ chồng anh Th, chị T ly hôn anh Lộc đề nghị vợ chồng anh Th, chị T trả cho anh Lộc số nợ tiền 50.000.000 đồng.

- Anh Bùi Văn N trình bày: Vào thời gian ngày 16/11/2015 anh N cho anh Th vay số tiền 50.000.000 đồng để mua đất, khi vay chị T không biết, hai bên không viết giấy vay tiền. Vợ chồng anh Th, chị T ly hôn anh N đề nghị anh Th trả số tiền nợ 50.000.000 đồng.

Anh Phạm Trung H trình bày: Anh H cho ông Th vay tiền vào tháng 11/2015 với số tiền 100.000.000 đồng, khi vay không làm giấy vay tiền bởi vì là bố con; mục đích ông Th vay tiền của anh là để mua đất. Khi cho ông Th vay tiền, bà T không biết. Vợ chồng ông Th, bà T ly hôn anh H đề nghị vợ chồng ông Th, bà T trả nợ số tiền 100.000.000 đồng.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 55, 59 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 219 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Trung Th và chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Anh Th và chị T không có con chung.

3. Về quan hệ tài sản:

- Giao cho anh Phạm Trung Th được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tại thửa đất số 1387, tờ bản đồ số 10 diện tích 296 m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 317086 ngày 02/6/2016 mang tên Phạm Trung Th và Nguyễn Thị T, địa chỉ thửa đất xóm 9, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An trị giá 627.520.000 (sáu trăm hai mươi bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng, có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đất của UBND xã QH có chiều dài là 11,45 m;
- Phía Nam giáp đường liên xã có chiều dài là 7,51 m + 1,18 m;
- Phía Đông giáp đất ông Tý dài 30 m;
- Phía Tây giáp đường đi là 29,37 m.

Anh Th phải giao lại cho chị T tiền chênh lệch tài sản số tiền là: 228.776.000 (hai trăm hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng.

Anh Phạm Trung Th có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để làm thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đăng ký biến động diện tích đất được giao sử dụng theo quy định của pháp luật.

- Giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền quản lý, sở hữu và sử dụng gồm: 01 bộ bàn ghế Âu á, tủ kệ trị giá 37.813.000 đồng; 01 tủ đựng quần áo, 01 giường, 01 bàn trang điểm trị giá 11.687.000 đồng; 01 tủ dày dép trị giá 1.030.000 đồng; 01 ghế xem tivi trị giá 1.200.000 đồng; 01 bàn làm việc trị giá 1.238.000 đồng; 01 máy lọc nước hiệu SHARP trị giá 2.000.000 đồng; 01 máy giặt hiệu Electrolux trị giá 4.500.000 đồng; 01 bếp ga trị giá 500.000 đồng; 01 quạt hơi nước trị giá 1.500.000 đồng; 02 máy điều hòa hiệu Panasonic 900 BTU trị giá 11.000.000 đồng; 01 tivi Sony 42in trị giá 7.500.000 đồng; 01 xe máy SH trị giá 40.000.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản trên là 119.968.000 đồng. Chị T được nhận số tiền chênh lệch tài sản từ anh Th giao lại là: 228.776.000 đồng.

4. Về nợ chung: Buộc anh Phạm Trung Th phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh Bùi Văn Q số tiền 50.000.000 đồng.

5. Về nợ riêng: Buộc anh Phạm Trung Th trả cho chị Phạm Thị H số tiền 50.000.000 đồng; trả cho anh Hồ Minh L số tiền 50.000.000 đồng; trả cho anh Bùi Văn N số tiền 50.000.000 đồng; trả cho anh Phạm Trung H số tiền 100.000.000 đồng.

5. Về án phí sơ thẩm:

Buộc anh Phạm Trung Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 18.687.200 đồng tiền án phí chia tài sản, 13.750.000 đồng tiền án phí về nợ. Tổng số tiền án phí anh Th phải chịu là 32.737.200 đồng nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí mà anh Th đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện QL số tiền là 12.150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001697 ngày 11 tháng 7 năm 2018. Anh

Th còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 20.587.200 (hai mươi triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm) đồng.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 18.687.200 đồng tiền án phí chia tài sản và 1.250.000 đồng án phí về nợ. Tổng số tiền án phí chị T phải chịu là 19.937.200 (mười chín triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm) đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên tiền lãi suất, nghĩa vụ thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, chị Nguyễn Thị T làm đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện QL với lý do:

- Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án không khách quan, không tổng đạt cho chị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/QĐXXST-DS ngày 04/01/2019 nhưng lại ra Quyết định hoãn phiên tòa với nội dung bị đơn chị Nguyễn Thị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do.

- Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu giao cho ông Phạm Trung Th quyền sử dụng đất thửa đất số 1387, tờ bản đồ số 10, tại xóm 9, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 317086 do UBND huyện QL cấp ngày 02/6/2016 mang tên Phạm Trung Th và Nguyễn Thị T là không khách quan, không xem xét đến công sức đóng góp của chị T và cũng không xem xét nhu cầu thực tế sử dụng đất của chị T.

- Số tiền 50.000.000 đồng mua bộ bàn ghế Âu-Á và một tủ kệ dinh hương mua đầu năm 2016 đã trả rồi, Tòa án buộc nợ chung là không đúng.

Ngày 9 tháng 4 năm 2019, anh Phạm Trung Th làm đơn kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không khách quan, không điều tra tìm hiểu về cuộc sống của anh Th và chị T trước và sau khi kết hôn dẫn đến chia tài sản chung và xác định nợ chung không chính xác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo; anh Nguyễn Trung Thiên rút toàn bộ đơn kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Các đương sự đều thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp dự phí kháng cáo đầy đủ nên Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật.

Đối với kháng cáo của anh Phạm Trung Th: Tại phiên tòa phúc thẩm anh Th xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo, việc rút kháng cáo của anh Th là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3

Điều 289, Điều 295 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với nội dung kháng cáo của anh Th.

Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị T:

Quá trình giải quyết vụ án, anh Th và chị T thống nhất thừa đất số 1387, tờ bản đồ số 10, địa chỉ xóm A, xã QH, huyện QL có diện tích 296 m² là tài sản chung của vợ chồng. Anh Th và chị T đều có nguyện vọng được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất thừa đất nêu trên. Căn cứ vào biên bản thẩm định tại chỗ ngày 12/11/2018 của TAND huyện QL thì thừa đất số 1387, tờ bản đồ số 10, địa chỉ xóm A, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An là đất trống có kích thước các cạnh thể hiện 11,45 m x 30 m x 7,51 m x 29,37 m việc tách thửa không ảnh hưởng đến điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, cần chấp nhận nội dung kháng cáo của chị T, đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung bằng hiện vật là quyền sử dụng đất thừa đất này cho anh Th, chị T.

Đối với nội dung kháng cáo không đồng ý với quyết định của tòa án cấp sơ thẩm về việc buộc chị T, anh Th phải thanh toán 50.000.000 đồng mua bàn ghế và tủ kệ cho anh Bùi Văn Q, trú tại Xóm A, xã QH, huyện QL: Tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Trung Thiên chấp nhận trả khoản nợ này cho anh Q và không yêu cầu chị T phải trả nợ, anh Q cũng đồng ý với ý kiến của anh Th. Vì vậy cần xác định đây là khoản nợ riêng của anh Th.

- Đối với nội dung kháng cáo không tổng đạt cho chị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng hoãn phiên tòa vì lý do họ vắng mặt là không đúng: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/QĐXXST-DS ngày 04/01/2019 cho chị T mà không lập biên bản giao nhận là vi phạm. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 26/3/2019 các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, chị T đã có mặt tại phiên tòa và đã thực hiện quyền kháng cáo để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo đúng quy định pháp luật nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của anh Phạm Trung Th và chị Nguyễn Thị T đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ, được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm anh Th và chị Tâm đều thống nhất trong thời kỳ hôn nhân đã tạo lập được các tài sản:

Thửa đất số 1387, tờ bản đồ số 10 diện tích 296 m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 317086 ngày 02/6/2016 mang tên Phạm Trung Th và Nguyễn Thị T, địa chỉ thửa đất xóm A, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An trị giá 627.520.000 đồng. Tài sản khác gồm: 01 bộ bàn ghế Âu á, tủ kệ trị giá 37.813.000 đồng; 01 tủ đựng quần áo, 01 giường, 01 bàn trang điểm trị giá là 11.687.000 đồng; 01 tủ dày dép trị giá 1.030.000 đồng; 01 ghế xem tivi trị giá 1.200.000 đồng; 01 bàn làm việc trị giá 1.238.000 đồng; 01 máy lọc nước hiệu SHARP trị giá 2.000.000 đồng; 01 máy giặt hiệu Electrolux trị giá 4.500.000 đồng; 01 bếp ga trị giá 500.000 đồng; 01 quạt hơi nước trị giá 1.500.000 đồng; 02 máy điều hòa hiệu Panasonic 900 BTU trị giá 11.000.000 đồng; 01 tivi Sony 42in trị giá 7.500.000 đồng; 01 xe máy SH trị giá 40.000.000 đồng, tổng giá trị các tài sản khác là 119.968.000 đồng (trị giá tài sản chung của anh Th, chị T căn cứ theo kết quả định giá ngày 12/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện QL).

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Phạm Trung Th đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Xét thấy việc anh Th rút toàn bộ kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, nên căn cứ khoản 3 Điều 289, Điều 295 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với nội dung kháng cáo của anh Th.

Xét nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với nội dung kháng cáo Tòa án không tổng đạt cho chị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng Quyết định hoãn phiên tòa có nội dung chị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do thì thấy rằng: Việc tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án thông qua UBND xã QH. Bà Đặng Thị Slà cán bộ của UBND xã đã tổng đạt trực tiếp quyết định xét xử số 01/QĐXXST-DS ngày 04/01/2019 cho chị T nhưng không lập biên bản giao nhận. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự mà không lập biên bản giao nhận là vi phạm. Vi phạm này đã được cấp sơ thẩm khắc phục tại phiên tòa ngày 26/3/2019 Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự và chị T có mặt tại phiên tòa, tuy nhiên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Đối với nội dung kháng cáo của chị T không đồng ý trả tiền nợ bàn ghế, kê tủ cho anh Bùi Văn Q: Tại phiên tòa phúc thẩm anh Phạm Trung Th đã tự nguyện trả khoản nợ này cho anh Q và không yêu cầu chị T phải trả, anh Q cũng đồng ý để anh Th trả nợ. Vì vậy, cần ghi nhận sự tự nguyện của anh Q và anh Th, xác định đây là khoản nợ riêng của anh Th và buộc anh Th phải trả nợ cho anh Q số tiền 50.000.000 đồng. Vì vậy, chấp nhận nội dung kháng cáo này của chị Nguyễn Thị T.

Đối với nội dung kháng cáo giao cho ông Phạm Trung Th quyền sử dụng đất thửa đất số 1387, tờ bản đồ số 10, tại xóm A, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An là không khách quan, không xem xét đến công sức đóng góp, nhu cầu thực tế sử dụng đất của chị T.

Xét thấy, căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án thì anh Phạm Trung Th là chủ tịch UBND xã QH, huyện QL. Chị Nguyễn Thị T là phó Giám đốc Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình huyện QL.

Quá trình xét xử phúc thẩm chị T có cung cho Tòa án tài liệu chứng minh còn làm kế toán cho Hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi huyện QL, Công ty TNHH TM ST, Công ty TNHH ĐK, kinh doanh hàng hóa qua mạng, bán bảo hiểm để tăng thêm thu nhập.

Tòa án cấp phúc thẩm đã xác minh thu nhập của nguyên đơn và bị đơn trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2018 thì được cung cấp:

Đối với anh Phạm Trung Th - Chủ tịch UBND xã QH, huyện QL thu nhập lương và phụ cấp từ năm 2015 đến năm 2018 là 270.528.199 đồng (năm 2015 là 63.138.981 đồng; năm 2016 là 64.384.356 đồng; năm 2017 là 68.531.675 đồng; năm 2018 là 74.473.187 đồng).

Đối với chị Nguyễn Thị T - Phó giám đốc trung tâm y tế huyện QL thu nhập lương và phụ cấp từ năm 2015 đến năm 2018 là 222.256.812 đồng (năm 2015 là 44.289.030 đồng; năm 2016 là 45.115.518 đồng; năm 2017 là 58.403.286 đồng; năm 2018 là 74.448.978 đồng).

Như vậy, trong quá trình chung sống với nhau, anh Th và chị T mỗi người đều có công việc, ngành nghề khác nhau để kiếm thu nhập, tạo lập khối tài sản chung, anh Th và chị T không ai chứng minh được mình có công sức lớn hơn khi tạo lập khối tài sản chung, do đó án sơ thẩm xác định công sức đóng góp của mỗi người như nhau và quyết định chia tài sản chung của vợ chồng theo tỷ lệ 50:50 là phù hợp.

Xét về nhu cầu chỗ ở: Anh Th và chị T đều có nguyện vọng được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất thửa đất số 1387, tờ bản đồ số 10, diện tích 296 m² tại xóm A, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Theo lời khai của chị Nguyễn Thị T thì hiện nay anh Th đang ở với mẹ đẻ tại Xóm A, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Chị T hiện nay đang sinh sống tại Xóm B, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Tòa án đã xác minh tại UBND xã QH và xã QH thì được cung cấp: Anh Th hiện nay đang ở với mẹ tại Xóm A, xã QH, huyện QL. Đây là nhà và đất của bố mẹ anh Th. Anh Th và vợ trước có thửa đất số 57 tờ bản đồ số 22 tại xóm C xã QH nhưng gia đình anh Phạm Trung H đã ở từ năm 2015 đến nay. Chị T đang sinh sống cùng con gái tại thửa đất số 53 tờ bản đồ số 21 tại Xóm B, xã QH, huyện QL mang tên chị T.

Xét thấy nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng nhận hiện vật là quyền sử dụng đất và trích chênh lệch bằng tiền cho bên không nhận đất, nguyện vọng của các bên là chính đáng. Tuy nhiên, thửa đất hiện nay đang bỏ trống chưa xây dựng các công trình, chiều rộng bám mặt đường hẹp, nếu chia đôi sẽ làm giảm giá trị quyền sử dụng đất. Vì vậy, giao cho một bên được quyền sử dụng đất và trích tiền chênh lệch cho bên không được giao quyền sử dụng đất là hợp lý, phù hợp với nguyện vọng của các bên. Xét thấy hiện nay anh Th đang sống cùng với mẹ tại thửa đất của bố mẹ anh Th, thửa đất trước đây anh Th sống cùng người vợ trước đã

bàn giao cho anh Phạm Trung H từ năm 2015. Thực tế hiện nay anh Th chỗ ở không ổn định, chị T đang sống cùng con gái tại thửa đất Xóm B, xã QH, huyện QL mang tên chị T, có các tài sản chung mà anh Th, chị T mua sắm sau khi kết hôn. Như vậy, hiện nay chị T đã có chỗ ở ổn định, anh Th đang sống nhờ với mẹ. Vì vậy, căn cứ nhu cầu và tình hình thực tế thì giao quyền sử dụng đất cho anh Th là phù hợp và buộc anh Th có trách nhiệm trả tiền chênh lệch theo giá trị tài sản được nhận cho chị T. Do đó không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của chị T.

Do anh Th chấp nhận trả tiền mua bàn ghế 50.000.000 đồng cho anh Q nên phần tài sản được chia của chị T được tăng thêm 25.000.000 đồng.

[4] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn rút kháng cáo, bị đơn kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 289, Điều 295; khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của anh Phạm Trung Th.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị T.

Áp dụng Điều 26, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 39, Điều 59 và Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Giao cho anh Phạm Trung Th được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 1387, tờ bản đồ số 10, diện tích 296 m² tại xóm 9, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 317086 ngày 02/6/2016 mang tên Phạm Trung Th và Nguyễn Thị T trị giá 627.520.000 (sáu trăm hai mươi bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng, có tứ cận, kích thước như sau:

- Phía Bắc giáp đất của UBND xã QH có chiều dài là 11,45 m;
- Phía Nam giáp đường liên xã có chiều dài là 7,51m + 1,18 m;
- Phía Đông giáp đất ông Tý dài 30 m;
- Phía Tây giáp đường đi là 29,37 m.

Anh Phạm Trung Th có nghĩa vụ phải giao lại cho chị Nguyễn Thị T tiền chênh lệch tài sản là: 253.776.000 (hai trăm năm mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng.

Anh Phạm Trung Th có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để làm thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đăng ký biến động diện tích đất được giao sử dụng theo quy định của pháp luật.

Giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền quản lý, sở hữu và sử dụng gồm: 01 bộ bàn ghế Âu á và tủ kệ trị giá 37.813.000 đồng; 01 tủ đựng quần áo, 01 giường cô chủ nhỏ, 01 bàn trang điểm trị giá là 11.687.000 đồng; 01 tủ dày dép trị giá 1.030.000 đồng; 01 ghế xem tivi trị giá 1.200.000 đồng; 01 bàn làm việc trị giá 1.238.000 đồng; 01 máy lọc nước hiệu SHARP trị giá 2.000.000 đồng; 01 máy giặt hiệu Electrolux trị giá 4.500.000 đồng; 01 bếp ga trị giá 500.000 đồng; 01 quạt hơi nước trị giá 1.500.000 đồng; 02 máy điều hòa hiệu Panasonic 900 BTU trị giá 11.000.000 đồng; 01 tivi Sony 42in trị giá 7.500.000 đồng; 01 xe máy SH trị giá 40.000.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản là 119.968.000 đồng (một trăm mười chín triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị T được nhận số tiền chênh lệch tài sản từ anh Phạm Trung Th giao lại là: 253.776.000 (hai trăm năm mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

3. Buộc anh Phạm Trung Th phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh Bùi Văn Q số tiền 50.000.000 đồng.

Tài sản được chia hiện nay đang do anh Phạm Trung Th và chị Nguyễn Thị T đang quản lý, sử dụng nên anh Th, chị T là người có nghĩa vụ phải thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm:

Buộc anh Phạm Trung Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm; 18.687.000 đồng tiền án phí chia tài sản và 15.000.000 đồng tiền án phí về nợ. Tổng số tiền án phí anh Phạm Trung Th phải chịu là 33.987.000 đồng nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí 12.150.000 đồng anh Phạm Trung Th đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001697 ngày 11 tháng 7 năm 2018 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001940 ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án huyện QL. Anh Phạm Trung Th còn phải nộp tiếp tiền án phí là 21.537.000 (hai mươi một triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn) đồng.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 18.687.000 (mười tám triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn) đồng tiền án phí chia tài sản chung nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001945 ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án huyện QL. Chị Nguyễn Thị T còn phải nộp tiếp tiền án phí là 18.387.000 (mười tám triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn) đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện QL;
- Chi cục THA h. QL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hoàng Ngọc Anh